TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST Ngày**:** 22-3-2023 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Lâm Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Văn Diễn, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê N, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Y, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm T, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/8/2022 nguyên đơn ông Lê N trình bày:

Vào năm 1989 thì ông và bà Nguyễn Y chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ông có 03 con chung là Lê L, sinh ngày 06/01/1990, Lê Đ, sinh ngày 25/8/1992 và Lê MĐ, sinh ngày 10/6/1994. Hiện nay cháu L và cháu MĐ đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn cháu Đ thì đang sống chung với ông. Tài sản chung thì ông và bà Y tự thỏa thuận. Vợ chồng ông không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng ông sống rất hạnh phúc, đến nay ông và bà Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông và bà Y đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nên ông yêu cầu Tòa án công nhận ông và bà Nguyễn Y không phải là vợ chồng. Về con chung: các con đã trưởng thành nên ông không

yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết; Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết; Về nợ chung không có không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết. Và ông xin được vắng mặt khi Toa án xét xử do ông bận đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt ở nhà.

2/ Bị đơn bà Nguyễn Y trình bày tại đơn xin vắng mặt lập ngày 13/3/2023 như sau:

Bà thống nhất việc ông N yêu cầu Tòa án công nhận bà và ông N không phải là vợ chồng. Các con của bà hiện nay cũng đã lớn, trưởng thành, đủ khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì khác. Về tài sản chung bà và ông N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung bà không có yêu cầu gì. Và bà xin được vắng mặt khi Tòa án mời xét xử do bận đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt ở nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê N và bị đơn bà Nguyễn Y đều vắng mặt, nhưng đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê N và bà Nguyễn Y sống chung với nhau vào năm 1989, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận.

[3] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có ba con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo ông N trình bày ông và bà Y thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông và bà Y đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, ông yêu cầu công nhận ông và bà Y không phải là vợ chồng. Còn bà Y cũng thống nhất việc không công nhận vợ chồng với ông N.

[4] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, ông N và bà Y đều thống nhất đề nghị Tòa án công nhận ông bà không phải là vợ chồng. Xét thấy, nền tảng của gia đình là sự thương yêu, tin tưởng, chăm sóc dành cho nhau giữa vợ và chồng nhưng ông bà đều thừa nhận hiện nay tình cảm giữa ông N và bà Y đã hết, không thể tiếp tục sống chung như vợ chồng. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của ông N và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông N và bà Y là vợ chồng.

[5] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có ba con chung đều đã trưởng thành, ông N và bà Y đều cho rằng các con chung của ông bà đều đủ khả

năng lao động, tự nuôi sống bản thân và không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; bà Nguyễn Y không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố công nhận ông Lê N và bà Nguyễn Y không phải là vợ chồng.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Ông Lê N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007329 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông N đã thực hiện xong tiền án phí.

5/ Quyền kháng cáo: các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Thị Vàng